

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 159/TTr-STNMT ngày 06 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường (tại các phụ lục I, II, III, IV kèm theo).

- Bãi bỏ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính do Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Văn



phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (*phụ lục V Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ kèm theo*).

- Bãi bỏ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh về việc quy định trình tự, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*phụ lục VI danh mục quy trình thực hiện đồng thời các thủ tục hành chính bãi bỏ kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông; Văn phòng UBND tỉnh niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; rà soát, đóng các quy trình thực hiện đối với các thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định này tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Nội dung sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính tại Quyết định này thay thế cho các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC (Lg).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 877 QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

PHẦN 1:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐẤT ĐAI TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
2	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
4	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 (6) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
6	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
7	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác sẵn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
8	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
9	1.004177	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014	Đất đai	1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
10	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (đối với nơi đã thành lập văn phòng đăng ký đất đai)	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (5) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (6) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (5) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (6) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
12	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
13	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 (10) Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
14	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (6) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (7) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (8) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
15	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai

0
X
X
2

		nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)	CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021		(2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
16	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. (11) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
17	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014HT- BTNMT ngày 19/5/2014	Đất đai	(1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
18	2.000880	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21/12/2022</i> (6) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (7) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (8) Thông tư số 23/2014/TT-	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (10) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 (11) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 (12) Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021		
19	1.001134	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
20	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
21	1.001045	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023</i> (6) Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 (10) Thông tư số 09/2021/TT-	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			BTNMT ngày 30/6/2021		
22	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ- CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
23	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021		phòng đăng ký đất đai
24	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
25	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

PHẦN 2:

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	1.003572	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đón điền đổi thửa” (đồng loạt)	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; (5) <i>Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</i> (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.	Đất đai	UBND cấp huyện